

Số: 09 /BTP-PLHSHC  
V/v thẩm định dự thảo Luật Căn  
cước công dân.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an.

Trả lời Công văn số 4864/BCA-V19 ngày 11/12/2013 của Bộ Công an về việc đề nghị thẩm định dự thảo Luật Căn cước công dân (sau đây gọi tắt là dự thảo Luật), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 17/12/2013, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 3073/QĐ-BTP thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự án Luật Căn cước công dân. Ngày 19/12/2013, Hội đồng tư vấn thẩm định đã họp, xem xét, cho ý kiến về dự thảo Luật. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo đã đề nghị được tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo và gửi lại Bộ Tư pháp thẩm định chính thức. Ngày 06/01/2014, Bộ Tư pháp nhận được Công văn số 3111/V19-P3 ngày 31/12/2013 của Vụ Pháp chế - Bộ Công an gửi lại dự thảo Luật để thẩm định chính thức. Sau đây là ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Luật ngày 31/12/2013.

## **I. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG**

### **1. Sự cần thiết ban hành văn bản**

Căn cước của công dân giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý nhà nước cũng như trong việc đi lại và giao dịch của công dân. Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến quản lý căn cước của công dân với tên gọi hiện nay là Chứng minh nhân dân, trình tự, thủ tục cấp Chứng minh nhân dân mới chỉ được quy định tại các Nghị định của chính phủ (Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2007 và năm 2013). Các nội dung quy định về căn cước công dân và các thông tin cá nhân của công dân như đặc điểm nhận dạng, vân tay, ảnh... liên quan trực tiếp đến quyền của công dân đã được Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013) ghi nhận, do đó, cần được quy định bằng hình thức văn bản Luật. Bộ Tư pháp nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật Căn cước công dân.

## **2. Về tính hợp Hiến, hợp pháp của dự thảo Luật**

Qua nghiên cứu dự thảo Luật, Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung dự thảo Luật phù hợp với Hiến pháp và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với một số luật có liên quan như: Luật Quốc tịch Việt Nam, Luật Nuôi con nuôi.

Hồ sơ Dự án Luật được cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị nghiêm túc và gửi thẩm định cơ bản đầy đủ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản, Bộ Công an đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập với thành viên là đại diện của các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan. Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã triển khai việc xây dựng dự án Luật Căn cước công dân theo trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008. Cơ quan chủ trì soạn thảo cũng đã tổ chức việc đánh giá tác động và xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Luật. Báo cáo đánh giá tác động đã nêu một số vấn đề cần giải quyết và nêu các phương án giải quyết đối với từng vấn đề đã được xác định. Tuy nhiên, vấn đề 2 trong Báo cáo đánh giá tác động của dự án Luật (về sản xuất, cấp và quản lý Chứng minh nhân dân) chưa nêu rõ phương án nào được lựa chọn và phương án đó được thể hiện như thế nào trong dự thảo Luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật trước khi trình Chính phủ.

## **3. Về tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành**

Căn cước công dân không chỉ liên quan đến chứng minh nhân dân (quy định tại Nghị định 05/1999/NĐ-CP, Nghị định 170/2007/NĐ-CP và Nghị định 106/2013/NĐ-CP) mà còn liên quan đến số định danh cá nhân (nêu tại Quyết định 896/QĐ-TTg), cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (quy định tại Nghị định 90/2010/NĐ-CP và Quyết định 896/QĐ-TTg), thẻ công dân điện tử (nêu tại Nghị quyết 16/NQ-CP). Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Luật đã quy định tương đối cụ thể về việc cấp, quản lý, sử dụng giấy tờ về căn cước công dân, tuy nhiên, các quy định của dự thảo Luật chưa thể hiện được tính kết nối giữa các quy định về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân với nội dung Đề án tổng thể đơn giản hoá thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 (sau đây gọi là Đề án 896), đặc biệt là việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và việc phát triển ứng dụng Thẻ công dân điện tử hoặc phương tiện điện tử khác để giảm giấy tờ công dân trong lĩnh vực quản lý hộ tịch, quản lý cư trú, quản lý trật tự xã hội và các lĩnh vực có liên quan như: giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu và các giấy tờ khác có liên quan.

Để bảo đảm tính thống nhất, cần nghiên cứu để thể hiện các nội dung nêu trên tại dự thảo Luật và xây dựng dự thảo Luật theo hướng gồm ba nội dung cơ bản là mã số công dân (hoặc số căn cước công dân); thẻ công dân (hoặc thẻ căn cước công dân) và cơ sở dữ liệu quốc gia về công dân (hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân).

- Theo Đề án 896, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu lõi, tập trung, tồn tại song song với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu các thông tin của cơ sở dữ liệu căn cước công dân để tránh trùng lặp về thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thể hiện rõ mối liên hệ giữa hai cơ sở dữ liệu này.

- Về thời hạn ban hành Luật Căn cước công dân, đề nghị cân nhắc để có sự tương thích, phù hợp với thời điểm 01/01/2016 là thời điểm cấp số định danh cá nhân theo Đề án 896.

## II. VỀ NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT

Ngoài những vấn đề đã được đề cập tại phần I của Công văn này, Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Luật còn một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý, cụ thể như sau:

### 1. Điều 2 của dự thảo Luật (đối tượng áp dụng)

Khoản 3 Điều 3 Luật Quốc tịch quy định “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài”. Để tránh trùng lặp về nội dung, bảo đảm thống nhất với Luật Quốc tịch, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định lại theo hướng: Luật này áp dụng đối với công dân Việt Nam; người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài; cơ quan, tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam...

### 2. Điều 3 dự thảo Luật (giải thích từ ngữ)

- Khái niệm căn cước công dân với chứng minh nhân dân có mối liên hệ với nhau, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sử dụng thống nhất một thuật ngữ là Thẻ căn cước thay cho Chứng minh nhân dân để bảo đảm tính thống nhất giữa tên gọi của Luật cũng như nội dung của Luật. Việc sử dụng song song hai thuật ngữ căn cước công dân và chứng minh nhân dân dẫn đến tình trạng ngay trong một điều luật (Điều 5 dự thảo Luật) khi thì sử dụng *xác nhận về căn cước* (điểm b khoản 1 Điều 5) khi thì sử dụng *được cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân* (điểm d khoản 1 Điều 5). Bộ Tư pháp đề nghị chỉ sử dụng một thuật ngữ để bảo đảm tính thống nhất và nên dùng thuật ngữ Thẻ căn cước để thống nhất và phù hợp với toàn bộ nội dung của dự án Luật (từ khi Luật này được ban hành, Thẻ căn cước sẽ dần thay thế cho Chứng minh nhân dân). Vì lý do dự thảo Luật đang dùng cụm từ “Chứng minh nhân dân” mà không phải là

“Thẻ căn cước” các nội dung thẩm định dưới đây vẫn dùng cụm từ “Chứng minh nhân dân”.

- Khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu căn cước công dân với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Cơ sở dữ liệu căn cước công dân là cơ sở dữ liệu độc lập hay chỉ là bộ phận cấu thành của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Bộ Tư pháp cho rằng nếu cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định rõ mối quan hệ này sẽ không khắc phục được tình trạng cục bộ, chia cắt thông tin về công dân; không thống nhất về thông tin cơ bản của một công dân trong các cơ sở dữ liệu của các ngành; thông tin cơ bản về công dân sẽ trùng lặp ở nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành, gây lãng phí nguồn lực trong việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng (mở rộng cơ sở dữ liệu) và lãng phí nguồn nhân lực trong việc cập nhật các thông tin cơ bản về công dân.

### **3. Điều 4 dự thảo Luật (nguyên tắc quản lý căn cước công dân)**

- Việc quy định nguyên tắc quản lý căn cước công dân là cần thiết, tuy nhiên, các nguyên tắc được luật hóa phải phù hợp với nội dung, yêu cầu quản lý nhà nước. Bộ Tư pháp nhận thấy, các nguyên tắc được quy định tại Điều 4 dự thảo Luật còn mang tính chung chung, khẩu hiệu. Chẳng hạn như nguyên tắc: tuân thủ Hiến pháp và pháp luật (khoản 1 Điều 4), do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định cụ thể hơn.

- Về nguyên tắc mỗi người được cấp một Chứng minh nhân dân (khoản 4 Điều 4 dự thảo Luật): Bộ Tư pháp cho rằng, việc quy định như dự thảo Luật dễ dẫn đến cách hiểu mỗi cá nhân khi sinh ra sẽ được cấp ngay Chứng minh nhân dân. Bên cạnh đó, theo Bộ Tư pháp, độ tuổi không phải là nguyên tắc mà là điều kiện được cấp Chứng minh nhân dân và vấn đề này đã được quy định tại Điều 19 dự thảo Luật, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ quy định độ tuổi là nguyên tắc của quản lý căn cước công dân.

### **4. Điều 5 dự thảo Luật (quyền, nghĩa vụ của công dân về căn cước công dân)**

- Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bỏ từ: “... đi lại...” tại điểm đ khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật, vì nếu Luật quy định sử dụng Chứng minh nhân dân trong đi lại trên lãnh thổ Việt Nam sẽ dẫn đến cách hiểu là chỉ có Chứng minh nhân dân mới là giấy tờ chính thức để đi lại trên lãnh thổ Việt Nam. Điều đó sẽ làm hạn chế khả năng sử dụng hộ chiếu và một số loại giấy tờ khác trong việc đi lại, vì trên thực tế hộ chiếu và một số loại giấy tờ khác cũng đang được sử dụng trong trường hợp di chuyển bằng đường hàng không. Mặc dù thừa nhận vai trò quan trọng của Chứng minh nhân dân, nhưng việc sử

dụng Chứng minh nhân dân trong các trường hợp cụ thể nên để pháp luật chuyên ngành quy định, chẳng hạn như khi giao dịch về ngân hàng sẽ do pháp luật về ngân hàng quy định. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa nội dung nêu trên tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Luật (về giải thích từ ngữ) cho phù hợp.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung nghĩa vụ nộp lại Chứng minh nhân dân khi định cư ở nước ngoài, bị tước quốc tịch hoặc bị thu hồi quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

Bên cạnh đó, về nguyên tắc quyền được cấp, đổi chứng minh nhân dân... của công dân là trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải thực hiện, nhưng trong dự thảo Luật chưa có bất cứ điều khoản nào quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý về căn cước công dân. Theo Bộ Tư pháp, đây là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện.

#### **5. Điều 10 dự thảo Luật (thông tin, tài liệu của công dân được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu căn cước công dân)**

- Một trong những mục tiêu quan trọng của Đề án 896 là “Đến hết năm 2015, hoàn thành việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong phạm vi cả nước. Từ năm 2016, thực hiện việc nhập thông tin cơ bản về công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân. Đến hết năm 2020, thông tin cơ bản của mọi công dân sẽ được nhập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và mỗi công dân đều có số định danh cá nhân”. Tuy nhiên, Điều 10 dự thảo Luật chưa quy định số định danh cá nhân là một trong những thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung số định danh cá nhân là một thông tin phải được thu thập quy định tại Điều 10 dự thảo Luật.

- Theo quy định tại Đề án 896, đối với những thông tin đã được thiết lập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì cơ quan hành chính nhà nước được quyền khai thác, sử dụng theo một nguyên tắc nhất định. Do đó, việc quy định về việc thu thập bổ sung những thông tin, tài liệu vào Cơ sở dữ liệu căn cước công dân như khoản 3 Điều 10 dự thảo Luật là chưa phù hợp. Bộ Tư pháp cho rằng, nếu những thông tin này đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì không phải thu thập, gây tốn kém và không hiệu quả. Trong một số trường hợp có thể dẫn đến không thống nhất về thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu về căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định phương thức thu thập, cập nhật thông tin theo hướng sử dụng hệ thống tàng trữ căn cước hiện có cũng như hệ thống sổ hộ tịch để xây dựng, cập nhật thông tin; trường

hợp không còn được lưu trữ mới yêu cầu công dân cung cấp. Như vậy, vừa bảo đảm tính chính xác của thông tin, vừa tránh gây phiền hà cho công dân khi phải cung cấp nhiều lần thông tin của cá nhân để phục vụ yêu cầu quản lý của nhà nước.

## **6. Điều 18 dự thảo Luật (về số và thời hạn sử dụng của Chứng minh nhân dân)**

- Khoản 1 Điều 18 dự thảo Luật chưa thể hiện được tính đồng bộ và mối quan hệ trong việc cấp số Chứng minh nhân dân với việc cấp và quản lý số định danh cá nhân trong dự thảo Luật Hộ tịch và Đề án 896 nhằm khắc phục tình trạng quá nhiều loại mã số hiện nay. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định số Chứng minh nhân dân là số định danh của cá nhân được cấp khi khai sinh nhằm tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý hộ tịch, cũng như cho công dân thực hiện việc khai sinh.

-b Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung một số nội dung theo yêu cầu tại Đề án 896 về việc cấp số định danh cá nhân theo hướng: cơ quan tư pháp nhập thông tin cá nhân và cấp số định danh cá nhân cho những người sinh ra sau ngày 01/01/2016; cơ quan Công an nhập và cấp số định danh cá nhân cho người sinh ra trước ngày 01/01/2016, trên cơ sở phối hợp với cơ quan Tư pháp để xác định tính xác thực của thông tin cá nhân.

## **7. Mục 2 Chương II dự thảo Luật (cấp, đổi, cấp lại, thu hồi, tạm giữ Chứng minh nhân dân)**

Để bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng của quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ các hình thức cấp Chứng minh nhân dân như sau:

- Cấp mới cho những người chưa được cấp Chứng minh nhân dân lần nào.
- Cấp lại cho những người đã được cấp Chứng minh nhân dân, nhưng bị mất, hư hỏng không sử dụng được.
- Cấp đổi cho những người đã được cấp Chứng minh nhân dân nhưng đã hết thời hạn sử dụng hoặc có thay đổi về nội dung liên quan đến Chứng minh nhân dân.

Liên quan đến vấn đề cấp đổi Chứng minh nhân dân, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bỏ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 dự thảo Luật về trường hợp cấp đổi Chứng minh nhân dân do “*thay đổi nơi đăng ký thường trú*”, vì Chứng minh nhân dân không phải là hộ khẩu. Chứng minh nhân dân theo quan điểm của Bộ Tư pháp, được sử dụng trên phạm vi toàn quốc và cũng phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật. Do đó, khi thay đổi nơi đăng ký thường trú thì không nhất thiết phải cấp

đổi Chứng minh nhân dân mà công dân có thể đến cơ quan có thẩm quyền để ghi bổ sung phần thông tin đã thay đổi. Về mẫu, nên tham khảo kinh nghiệm một số quốc gia khác, có một phần để cơ quan có thẩm quyền ghi thông tin bổ sung.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu mối liên hệ giữa Chứng minh nhân dân với nơi đăng ký thường trú, vì theo quy định tại Điều 18 dự thảo Luật thì đối với công dân được cấp số định danh từ khi khai sinh, thì số định danh đó sẽ được sử dụng là số Chứng minh nhân dân. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 19 dự thảo Luật thì nơi đăng ký thường trú lại là điều kiện để được cấp chứng minh nhân dân; khi thay đổi nơi thường trú (Điều 21 dự thảo Luật) cũng phải cấp đổi lại Chứng minh nhân dân. Đặc biệt thay đổi nơi đăng ký thường trú (không phân biệt trong phạm vi một tỉnh, thành phố hay ngoài phạm vi tỉnh, thành phố) cũng phải đổi Chứng minh nhân dân là quá rộng, gây khó khăn cho công dân, vì phải thường xuyên thay đổi chứng minh nhân dân khi thay đổi nơi đăng ký thường trú (trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

#### **8. Điều 20 dự thảo Luật (các trường hợp tạm thời chưa được cấp Chứng minh nhân dân)**

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định về các trường hợp tạm thời chưa được cấp Chứng minh nhân dân vì Chứng minh nhân dân là số định danh công dân (Điều 18 dự thảo Luật), do đó, mọi công dân đều được cấp chứng minh nhân dân để phục vụ công tác quản lý về dân cư.

Bên cạnh đó, tên Điều và khoản 2 Điều 20 dự thảo Luật sử dụng thuật ngữ không thống nhất, “... *tạm thời chưa được cấp Chứng minh nhân dân*” và “... *khi điều kiện tạm dừng cấp Chứng minh nhân dân không còn nữa*”.

#### **9. Điều 21 dự thảo Luật (các trường hợp đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân)**

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định phải cấp đổi Chứng minh nhân dân vì lý do thay đổi quê quán do thay đổi địa giới hành chính.

**10. Điểm a khoản 1 Điều 22 dự thảo Luật** quy định *Bộ Công an là nơi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân cho công dân trong phạm vi cả nước* cần được cân nhắc thêm để bảo đảm tính hợp lý và tính khả thi, tránh gây phiền hà cho công dân khi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân, nhất là công dân không sinh sống tại Hà Nội lại phải đến Bộ Công an để nộp hồ sơ xin cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân.

### **11. Điều 23 dự thảo Luật (thủ tục, trình tự cấp Chứng minh nhân dân)**

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định điểm b khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật về thành phần hồ sơ xin cấp Chứng minh nhân dân (ảnh chân dung), vì ảnh để làm Chứng minh nhân dân thì công dân không thể tự chụp được mà phải do cơ quan cấp Chứng minh nhân dân thực hiện.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc các quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 23 dự thảo Luật vì quá chi tiết và không cần thiết, không phù hợp với nội dung của văn bản Luật.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định bổ sung việc thu thập các dấu vết khác đối với những trường hợp đặc biệt do người xin cấp Chứng minh nhân dân bị dị tật, hoặc tai nạn... dẫn đến không thể lấy dấu vân tay của họ.

### **12. Điều 24 dự thảo Luật (thủ tục, trình tự đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân)**

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa lại điểm c khoản 1 Điều 24 dự thảo Luật như sau: “*Bản chính Giấy khai sinh đối với các trường hợp được thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính theo quy định của pháp luật về hộ tịch*”. Không quy định người dân phải nộp bản sao các văn bản của cơ quan đã ra quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch vì về nguyên tắc các thay đổi, cải chính hộ tịch này sau khi đã được ghi chú vào bản chính Giấy khai sinh mới có giá trị sử dụng.

### **13. Điều 27 dự thảo Luật (thu hồi, tạm giữ Chứng minh nhân dân)**

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm trường hợp bị thu hồi Chứng minh nhân dân do bị thu hồi quyết định cho nhập Quốc tịch Việt Nam để bảo đảm bao quát đầy đủ các trường hợp bị thu hồi Chứng minh nhân dân.

- Điểm a khoản 2 Điều 27 dự thảo Luật: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định trường hợp chứng minh nhân dân bị tạm giữ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, vì Luật Xử lý vi phạm hành chính chỉ quy định việc tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt mà không quy định về việc tạm giữ Chứng minh nhân dân.

Trên tinh thần đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa quy định có liên quan của dự thảo Luật.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về tính khả thi của quy định tại đoạn 2 điểm a khoản 4 Điều 27 dự thảo Luật về việc chuyển Chứng minh nhân dân đã thu hồi, vì theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008



thì Chủ tịch nước là người có thẩm quyền tước hoặc cho thôi quốc tịch Việt Nam.

#### **14. Về kỹ thuật soạn thảo**

- Đề nghị không sử dụng hai chấm (:) tại điểm c khoản 2 Điều 23 dự thảo Luật.

- Đề nghị chỉnh sửa đoạn: “*trong thời gian sớm nhất*” tại Điều 25 dự thảo Luật vì đây là cách thể hiện của Nghị quyết, không phải của văn bản Luật.

- Điều 28 dự thảo Luật quy định về lệ phí cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chuyên về quy định tại Chương I để bảo đảm sự lô-gíc của nội dung các Chương.

### **III. Về một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau tại dự thảo Tờ trình Chính phủ (trang 8)**

#### *a) Về tên gọi của dự thảo Luật*

Theo dự thảo Tờ trình, có hai phương án đặt tên cho dự thảo Luật; phương án thứ nhất là Luật Căn cước công dân, phương án thứ hai là Luật Chứng minh nhân dân. Qua nghiên cứu dự thảo Luật và dự thảo Tờ trình, Bộ Tư pháp nhất trí với ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo giữ tên gọi của dự thảo Luật là Luật Căn cước công dân để bảo đảm sự phù hợp giữa tên gọi, phạm vi điều chỉnh và nội dung của dự thảo Luật.

#### *b) Về nội dung và quy cách của Chứng minh nhân dân*

Điều 17 dự thảo Luật quy định tương đối cụ thể về nội dung và việc bố trí các thông tin trên Chứng minh nhân dân, còn các nội dung về hình dáng, kích thước, chất liệu... của Chứng minh nhân dân, cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng nên giao Chính phủ quy định để bảo đảm phù hợp với thực tiễn. Bộ Tư pháp nhận thấy, để bảo đảm tính công khai, minh bạch, các thông tin trên Chứng minh nhân dân cần quy định cụ thể trong Luật và cần bổ sung phần ghi các thông tin thay đổi trong quá trình sử dụng Chứng minh nhân dân; các yếu tố về kích thước, chất liệu, loại thẻ (mã vạch, thẻ từ, thẻ chip...) có thể thay đổi và phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học công nghệ, do đó, nên giao Chính phủ quy định. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 17 dự thảo Luật lại quy định: “*Chính phủ quy định chi tiết Điều này*” là quá rộng. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa khoản 3 Điều 17 dự thảo Luật theo hướng: quy cách, hình dáng, chất liệu của Chứng minh nhân dân do Chính phủ quy định.

*c) Về thông tin, tài liệu của công dân được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu căn cước công dân*

Các thông tin, tài liệu của công dân được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu căn cước công dân liên quan trực tiếp đến quyền của công dân (ảnh chân dung, vân tay, nhóm máu, gene (ADN)...). Để bảo đảm tính kế thừa và tính khả thi, Bộ Tư pháp cho rằng các đặc điểm về nhân dạng của công dân cần được cân nhắc tính toán cho hợp lý và phù hợp với thực tế; một số thông tin như nhóm máu, ADN... rất quan trọng, nhưng trước mắt chưa thực hiện được thì cũng không nên quy định và không nên giao Chính phủ quy định chi tiết như thể hiện tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Luật.


*d) Về quy định chuyển tiếp*

Chúng minh nhân dân liên quan trực tiếp đến giao dịch và nhiều hoạt động khác của công dân (chẳng hạn như Chứng minh nhân dân được sử dụng khi đăng ký kết hôn, khai sinh, khai tử, đi lại bằng đường hàng không và nhiều giao dịch của công dân...), do đó, Bộ Tư pháp nhất trí với ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo cần có quy định chuyển tiếp đối với việc sử dụng Chứng minh nhân dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực để mọi giao dịch cũng như hoạt động của công dân không bị ảnh hưởng. Hơn nữa, kể từ khi Luật này có hiệu lực, cơ quan có thẩm quyền không thể cấp ngay Chứng minh nhân dân mới cho toàn bộ công dân ở độ tuổi được cấp Chứng minh nhân dân. Về nguyên tắc, Chứng minh nhân dân cũ sẽ có giá trị sử dụng cho đến hết thời hạn. Thẻ căn cước sẽ được cấp khi Chứng minh nhân dân cũ hết hạn sử dụng hoặc trong trường hợp cấp mới, cấp đổi.

- Đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 2 Điều 33 dự thảo Luật “trường hợp cần đổi theo mẫu quy định tại Luật này thì thực hiện theo Luật này” vì theo Phương án Bộ Công an đề xuất thì mẫu sẽ do Chính phủ quy định, do đó, không thực hiện theo quy định của Luật. Mặt khác, để tránh phiền hà cho công dân, việc cấp mẫu mới cũng chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp mới, cấp đổi chứ không phải tất cả mọi công dân đều phải đổi sang mẫu mới.

- Đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 3 Điều 33 dự thảo Luật. Bộ Tư pháp cho rằng nội dung này chưa phù hợp vì sẽ dẫn đến việc tồn tại hai loại giấy tờ là Chứng minh nhân dân cũ và Chứng minh nhân dân mới hoặc Thẻ căn cước trong một thời gian dài và không xác định được thời điểm chấm dứt. Bên cạnh đó, quy định “được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành” như dự thảo Luật là chưa minh bạch, khó khăn cho việc áp dụng vì không biết pháp luật hiện hành là hệ thống pháp luật nào ngoài Luật căn cước công dân.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp liên quan đến một số nội dung của Nghị định số 90/2010/NĐ-CP ngày 18/8/2010 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Luật Căn cước công dân, xin gửi đến Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an nghiên cứu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật trước khi trình Chính phủ. 

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PL, HS-HC (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỦ TRƯỞNG**



**Hoàng Thế Liên**